

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 3 năm 2020.
V/v: Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Tân
2. Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 304/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1961
Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.
2. *Bị đơn:* Ông Trần Đình L, sinh năm 1957
Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà V trình bày: Bà H và ông Trần Đình L tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau từ năm 1981 nhưng đến nay vẫn chưa kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, ông L thường xuyên chửi mắng bà H và đập phá nhà cửa, bà H nhiều lần nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Từ năm 2016 đến nay thì giữa bà H và ông L không còn sống chung với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Về con chung: Có 03 con chung là Trần Vũ Đức N, sinh ngày 30/8/1983; Trần Thị Tường V, sinh ngày 14/3/1985 và Trần Thị Tú U, sinh ngày 01/11/1987. Các con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có.

Bị đơn ông Trần Đình L trình bày: Ông L và bà H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1981 đến nay hai bên vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình. Ông L và bà H đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng vẫn không hàn gắn được. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm xa cách. Đến năm 2016 thì ông L và bà H không còn chung sống với nhau. Nay, bà H yêu cầu ly hôn, ông L cũng đồng ý. Về con chung: Ông L cũng xác định giữa ông và bà H có 03 con chung là Trần Vũ Đức N, sinh ngày 30/8/1983; Trần Thị Tường V, sinh ngày 14/3/1985 và Trần Thị Tú U, sinh ngày 01/11/1987. Do các con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông L xác định không có.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D cho rằng Tòa án nhân dân huyện D đã tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà H và ông L là vợ chồng; Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh nên không xem xét, giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông L đều xác định không có nên không xem xét, giải quyết; về án phí: Bà H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc H và ông Trần Đình L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1981 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Giữa bà H và ông L đã có 03 con chung với nhau là Trần Vũ Đức N, sinh ngày 30/8/1983; Trần Thị Tường V, sinh ngày 14/3/1985 và Trần Thị Tú U, sinh ngày 01/11/1987. Quá trình chung sống, bà H và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hay xảy ra cãi vã, xung đột. Mặt khác, bà H và ông L chung sống với nhau từ năm 1981, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, tuyên bố không công nhận bà H và ông L là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà H và ông L đều xác định có 03 con chung là Trần Vũ Đức N, sinh ngày 30/8/1983; Trần Thị Tường V, sinh ngày 14/3/1985 và Trần Thị Tú U, sinh ngày 01/11/1987. Xét các con chung trên đã trưởng thành và khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông L đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H phải nộp 300.0000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận bà Võ Thị Ngọc H và ông Trần Đình L là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông L đều xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc H nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007317 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ